

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TPL22B2OLV
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Luật Tài chính(2)	Luật Hình sự và Tố tụng HS(4)	Kỹ năng mềm(2)	Pháp luật về công chứng, chứng thực(1)	Nghiep vụ ĐK và QL hộ tịch(2)	Luật Thương mại(2)	Nghiep vụ toàn án, thi hành án dân sự, thừa phát lại(2)	Luật Thuế(1)	Đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất(2)	Điểm TB	Xếp loại
1	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988	9.2	9.0	9.0	8.4	6.9	10.0	7.1	8.0	7.7	8.5	Giỏi
2	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984	8.9	7.3	7.2	8.2	7.1	9.7	7.4	7.3	7.6	7.8	Khá
3	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998	9.3	8.0	8.5	8.5	7.4	9.3	7.4	7.3	7.7	8.2	Giỏi
4	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980	8.8	7.6	7.5	6.1	6.6	9.5	7.4	7.7	7.8	7.7	Khá
5	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992	8.1	7.2	7.5	8.6	6.8	9.7	7.3	7.9	7.4	7.7	Khá
6	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982	9.2	7.5	7.4	8.9	7.7	9.6	8.1	7.9	7.9	8.1	Giỏi
7	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979	6.4	5.1	6.9	7.3	6.2	9.3	7.1	7.6	7.6	6.8	Trung bình
8	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996	8.7	6.2	5.8	8.5	6.3	9.3	7.4	7.6	7.1	7.2	Khá
9	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993	8.3	7.1	7.6	7.8	6.8	9.7	7.1	7.0	7.4	7.6	Khá
10	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983	8.6	6.5	7.6	7.4	7.3	9.7	7.4	7.3	7.6	7.6	Khá
11	2253801013397	Trịnh Thanh Hóa	31/01/1992	6.2	6.2	7.0	6.7	6.4	9.1	7.1	7.3	7.3	6.9	Trung bình
12	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984	7.2	7.0	6.9	7.9	6.8	9.4	7.0	7.3	7.6	7.4	Khá
13	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990	9.1	6.5	7.8	6.4	7.4	9.7	8.0	8.3	8.0	7.8	Khá
14	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992	7.8	5.9	7.0	7.3	7.4	9.3	7.4	7.4	7.5	7.3	Khá
15	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996	7.3	6.8	6.7	7.5	6.9	9.3	6.8	7.3	7.3	7.3	Khá
16	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991	6.2	6.4	7.2	7.9	6.6	9.3	7.4	7.0	7.4	7.2	Khá

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 12 tháng 9 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái